TÒA ÁN NHÂN DÂN TP.VŨNG TÀU **TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 10/2017/QĐST- DS	*Vũng Tàu, ngày 14 tháng 03 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 11 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải ngày 06/03/2017 của các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 409/2016/DSST ngày 16/11/2016, về việc "Đòi tài sản".

XÉT THẤY

Căn cứ vào sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành số: 01/BBHGT-DS ngày 06/03/2017 về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn**: Ông Cái Văn Q, sinh năm 1954

Bà Lê Thị C, sinh năm 1956.

Cùng trú tại xã S, TP.V, tỉnh B.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Cái Thị Thu L, sinh năm 1962

Địa chỉ xã S, TP.V, tỉnh B.

* **Bị đơn**: 1/ Ông Nguyễn Bá T, sinh năm 1974

2/ Bà Ninh Thị T2, sinh năm 1977.

Cùng trú tại địa chỉ đường G, phường M, TP.V, tỉnh B.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Cái Thị Thu L – đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Cái Văn Q, bà Lê Thị C và bị đơn ông Nguyễn Bá T, bà Ninh Thị T2 thống nhất thỏa thuận toàn bộ nội dung vụ án như sau:

- Năm 2008, ông Cái Văn Q, bà Lê Thị C và ông Nguyễn Bá T thỏa thuận chuyển nhượng cho nhau 1000m2 đất, một phần diện tích nằm trong tổng diện tích 5.513m2, thuộc thửa 26545.10.1170, tờ bản đồ số 10, xã S, TP. V. Năm 2009, sau khi làm thủ tục sang tên, diện tích cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T, bà T2 là 1.100,5m2 tăng hơn so với thỏa thuận ban đầu 100,5m2 nên. Sau đó, toàn bộ diện tích 100,5m2 đất trên đã bị thu hồi và được nhà nước bồi thường, hỗ trợ kinh phí. Nay, vợ chồng ông T, bà T2 đồng ý

hoàn lại cho vợ chồng ông Cái Văn Q, bà Lê Thị C số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Tính từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì hàng tháng còn phải trả thêm cho bên được thi hành án số tiền lãi đối với khoản nợ gốc chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời hạn chậm trả tại thời điểm trả nợ.

* Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Bá T, bà Ninh Thị T2 phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

- Hoàn toàn bộ số tiền 1.068. 312 đồng (Một triệu không trăm sáu mươi tám ngàn, ba trăm mười hai đồng) tạm ứng án phí do ông Cái Văn Q, bà Lê Thị C đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001698 ngày 16/11/2016 của Chi Cục Thi hành án thành phố V.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận: **THẨM PHÁN**
- Các đương sự;
- TAND tỉnh B;
- VKSND TP.V;
- Chi cục Thi hành án TP.V;
- Lưu hồ sơ.

Đoàn Thế Dũng